**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**

MÔN ĐỊA LÍ – KHỐI 11 - BÀI 10 – TRUNG QUỐC

**I. HƯỚNG DẪN HỌC TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **GHI CHÚ** |
| **Bài 10:** TRUNG QUỐC | **Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội*****I. Vị trí địa lí và lãnh thổ******II. Điều kiện tự nhiên******III. Dân cư và xã hội*****Tiết 2: Kinh tế*****I. Khái quát******II. Các ngành kinh tế******III. Mối quan hệ VN-TQ*** |
| *Hoạt động 1: Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu* | Học sinh nghiên cứu SGK Địa lí 11 Bài “**Trung Quốc**” (Nếu HS không có SGK có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm)**Học sinh trả lời các câu hỏi sau:**Câu 1: Nêu đặc điểm dân cư Trung Quốc?Câu 2: Nêu đặc điểm ngành Công nghiệp TQ? |
| *Hoạt động 2: Kiểm tra đánh giá quá trình tự học* | - Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học.- Hoàn thành bài tập củng cố- Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học |

**II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**Tiết 1:**

**I. Vị trí địa lý và lãn thổ**

Diện tích: 9572,8 triệu km2.

Dân số: 1303,7 triệu người (2005)

Thủ đô: Bắc Kinh

* Diện tích lớn thứ 4 trên thế giới.
* Giáp 14 nước nhưng biên giới là núi cao và hoang mạc ở phía tây, nam và bắc.
* Phía Đông giáp biển, gần với Nhật Bản, Hàn Quốc, Đông Nam Á (trong đó có Việt Nam).

**II. Điều kiện tự nhiên**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Miền Đông | Miền Tây |
| Địa hình | Đồng bằng châu thổ, đất phù sa màu mỡ | Núi cao, các sơn nguyên đồ sộ xen bồn địa |
| Khí hậu | Cận nhiệt gió mùa sang ôn đới gió mùa | Ôn đới lục địa => hoang mạc và bán hoang mạc |
| Sông ngòi | Thượng nguồn các con sông | Hạ nguồn |
| Đất đai | Chủ yếu là đồng bằng | Vùng núi, hoang mạc |
| Khoáng sản | Phong phú: than, dầu mỏ, quặng sắt | Đa dạng: dầu mỏ, quặng sắt |
| Sinh vật | Rừng, tài nguyên biển | Rừng, đồng cỏ tự nhiên |

**Thuận lợi và khó khăn:**

a. Thuận lợi:

* Phát triển nông nghiệp: cây ôn đới và cận đới
* Phát triển công nghiệp khai khoáng, thủy điện.
* Phát triển lâm nghiệp, giao thông vận tải biển.

b. Khó khăn:

* Bão lụt ở miền Đông.
* Khô hạn ở miền Tây, hoang mạc hóa.
* Phát triển giao thông vận tải lên miền Tây khó khăn…

**III. Dân cư và xã hội**

**1. Dân cư**

* Đông nhất thế giới.
* Đa số là người Hán, các dân tộc khác sống tại vùng núi và biên giới, hình thành khu tự trị.
* Miền đông tập trung nhiều đô thị lớn.
* Trung Quốc thi hành chính sách dân số triệt để: mỗi gia đình 1 con => tỉ lệ gia tăng tự nhiên giảm, đồng thời tư tưởng trọng nam khinh nữ => tiêu cực tới giới tính, nguồn lao động và các vấn đề xã hội khác.

**2. Xã hội**

* Chú trọng đầu tư phát triển giáo dục.
* 90% dân số biết chữ.
* Truyền thống lao động cần cù, sáng tạo và nhân lực dồi dào là tiềm năng lớn của Trung Quốc.

**Tiết 2:**

**I. Khái quát**

* Công cuộc hiện đại hóa mang lại những thay đổi lớn trong nền kinh tế Trung Quốc.
* Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất thế giới, đời sống người dân hiện được cải thiện rất nhiều.

**II. Các ngành kinh tế**

**1. Công nghiệp**

* Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế, các nhà máy, xí nghiệp được chủ động trong sản xuất và tiêu thụ.
* Trung Quốc thực hiện chính sách mở cửa, tăng cường trao đổi hàng hóa với thị trường thế giới.
* Cho phép các công ty, doanh nghiệp nước ngoài tham gia đầu tư, quản lí sản xuất công nghiệp tại các đặc khu, khu chế xuất.
* Chủ động đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị, ứng dụng công nghệ cao.
* Tập trung chủ yếu vào 5 ngành: chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.
* Các trung tâm công nghiệp lớn đều tập trung ở miền Đông.
Công nghiệp hóa nông thôn.

**2. Nông nghiệp**

* Diện tích đất canh tác chỉ chiếm 7% thế giới nhưng phải nuôi 20% dân số thế giới.
* Áp dụng nhiều biện pháp, chính sách cải cách nông nghiệp.
* Đã sản xuất được nhiều loại nông sản với năng suất cao, đứng đầu thế giới.
* Ngành trồng trọt chiếm ưu thế, trong đó quan trọng là cây lương thực nhưng bình quân lương thực/ người thấp.
* Đồng bằng châu thổ là các vùng nông nghiệp trù phú.
* Hoa Bắc, Đông Bắc: lúa mì, ngô, củ cải đường.
* Hoa Trung, Hoa Nam: lúa gạo, mía, chè.

**III. BÀI TẬP CỦNG CỐ**

**Câu 1.** Chính sách công nghiệp mới của Trung Quốc tập trung chủ yếu vào 5 ngành chính là:

A. Chế tạo máy, dệt may, hóa chất, sản xuất ô tô và xây dựng.

B. Chế tạo máy, điện tử, hóa chất, sản xuất ô tô và luyện kim.

C. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và luyện kim.

D. Chế tạo máy, điện tử, hóa dầu, sản xuất ô tô và xây dựng.

**Câu 2.**Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Trung Quốc là

A. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Quảng Châu, Trùng Khánh.

B. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Cáp Nhĩ Tân, Thẩm Dương.

C. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Nam Kinh, Phúc Châu.

D. Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Lan Châu, Thành Đô.

**Câu 3.** Trung Quốc không áp dụng chính sách, biện pháp nào trong cải cách nông. nghiệp?

A. Giao quyền sử dụng đất cho nông dân.

B. Cải tạo, xây dựng mới đường giao thông, hệ thống thủy lợi.

C. Đưa kĩ thuật mới vào sản xuất, phổ biến giống mới.

D. Tăng thuế nông nghiệp.

**Câu 4.** Nhận xét nào **không**đúng về đặc điểm vị trí và lãnh thổ Trung Quốc?

1. Có diện tích lãnh thổ rộng lớn và đứng thứ ba thế giới.
2. Lãnh thổ trải rộng từ bắc xuống nam, từ đông sang tây.
3. Có đường biên giới giáp 14 nước chủ yếu qua núi cao và hoang mạc.
4. Phía đông giáp biển với đường bờ biển dài khoảng 9000 km.

**Câu 5.** Nhận xét nào **không**đúng về đặc điểm tự nhiên và tài nguyên của miền Đông Trung Quốc cho phát triển nông nghiệp?

1. Đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất đai màu mỡ.
2. Khí hậu gió mùa thay đổi từ cận nhiệt đới đến ôn đới.
3. Lượng mưa trung bình năm lớn, nguồn nước dồi dào.
4. Khí hậu gió mùa thay đổi từ ôn đới đến cận nhiệt đới.

**IV. PHẢN HỒI THÔNG TIN**

(Những thắc mắc của học sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập)

**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**LỚP**:...............

**HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:**.........................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MÔN**  | **NỘI DUNG HỌC TẬP** | **CÂU HỎI CỦA HỌC SINH** |
| **ĐỊA LÍ** | **Bài 8: TRUNG QUỐC****Tiết 1: Tự nhiên, dân cư và xã hội*****I. Vị trí địa lí và lãnh thổ******II. Điều kiện tự nhiên******III. Dân cư và xã hội*****Tiết 2: Kinh tế*****I. Khái quát******II. Các ngành kinh tế******III. Mối quan hệ VN-TQ*** | 1. ......................................................................................................................................................2. ......................................................................................................................................................3. ...................................................................................................................................................... |
| **ĐÁP ÁN BÀI TẬP CỦNG CỐ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-** | **2-** | **3-** | **4-** | **5-** |

 |